

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2025/HS-PT
Ngày 10 - 12 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miên

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tấn

Ông Phan Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Quan Tuấn Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Huỳnh Thị Bé N do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Huỳnh Thị Bé N, sinh ngày 30/12/1990 tại tỉnh Bạc Liêu nay là tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp 16A, phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Ấp 16A, xã Phong T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu); nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Chung và bà Lê Thị Ảnh; chồng Nguyễn Duy Thanh và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố ngày 21/4/2025 và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Gia Hòa, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp An Hòa, xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng) là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2023 Huỳnh Thị Bé N cho Nguyễn Minh T vay 61 khoản vay với số tiền 15.610.000.000đ, lãi suất thấp nhất là 42%/năm và cao nhất là 365%/năm. Tổng lãi đã nhận (xác định được khoản vay) là 149.600.000đ. Trong đó, thu lãi hợp pháp với số tiền 14.334.247đ, thu lãi bất hợp pháp với số tiền 135.265.753đ. Việc cho vay bằng hình thức đưa tiền mặt và chuyển khoản, bị cáo N sử dụng tài khoản 399979 và 0941.490.070 (Ngân hàng OCB), tài khoản 4229000014499000 (Ngân hàng Việt Á) để giao dịch chuyển và nhận tiền với Nguyễn Minh T; tài khoản của T là 1000333666999 (Ngân hàng Bản Việt) và 01234567 (Ngân hàng OCB).

Huỳnh Thị Bé N cho vay rất nhiều khoản vay nhưng do các khoản vay này thu lãi bất chính dưới 30.000.000đ/lần vay và đã tất toán xong (trả vốn và lãi) và tính đến ngày 02/01/2025 (ngày khởi tố vụ án) đã hết thời hiệu xử lý hình sự. Riêng đối với khoản vay từ ngày 21/5/2022 đến ngày 23/8/2022 Huỳnh Thị Bé N có hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, chưa tất toán xong, cụ thể:

1. Khoản vay 600.000.000đ, vay ngày 21/5/2022, thời hạn vay 06 ngày, lãi suất 0.61%/ngày, tương đương 223%/năm (*Gấp 11.15 lần*). Ngày chốt lãi 26/5/2022, T chuyển trả 22.000.000đ tiền lãi vào tài khoản 422900001449900 (Ngân hàng VietABANK) của N; trong đó, lãi hợp pháp 1.972.603đ, lãi bất hợp pháp 20.027.397 đồng; khoản vay này chưa hoàn trả 600.000.000đ vốn gốc.

2. Khoản vay 400.000.000đ, vay ngày 19/8/2022, thời hạn vay 02 ngày, lãi suất 01%/ngày, tương đương 365%/năm (*Gấp 18.25 lần*). Ngày 20/8/2022 chốt lãi, T chuyển vào tài 4229000014499000 (VietABank) của N số tiền 408.000.000đ, trong đó 400.000.000đ tiền gốc và 8.000.000đ tiền lãi. Trong 8.000.000đ, lãi hợp pháp 438.356đ, lãi bất hợp pháp 7.561.644đ.

3. Khoản vay 400.000.000đ, vay ngày 20/8/2022, thời hạn vay 04 ngày, lãi suất 01%/ngày, tương đương 365%/năm (*Gấp 18.25 lần*). Ngày 23/8/2022 chốt lãi, T chuyển vào tài khoản 4229000014499000 (VietABank) của N số tiền 420.000.000đ; trong đó 400.000.000đ tiền gốc và 16.000.000đ tiền lãi và 4.000.000đ T cho N (Có tin nhắn thể hiện). Trong 16.000.000đ thì lãi hợp pháp 876.712đ, lãi bất hợp pháp 15.123.288đ.

Tổng số lãi bị cáo Huỳnh Thị Bé N nhận được từ 03 khoản vay trên là 46.000.000đ, trong đó lãi hợp pháp là 3.287.671đ, lãi bất hợp pháp là 42.712.329đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Bé N số tiền 100.000.000đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Huỳnh Thị Bé N nộp khoản tiền là phương tiện phạm tội số tiền 800.000.000đ và thu lợi bất chính số tiền là 3.287.671đ, tổng cộng 803.287.671đ sung vào ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Huỳnh Thị Bé N trả lại cho Nguyễn

Minh T số tiền thu lợi bất chính (lãi bất hợp pháp) là 42.712.329đ; Buộc anh Nguyễn Minh T nộp số tiền vay vốn gốc còn nợ (phương tiện phạm tội) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền là 600.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh T kháng cáo, nội dung: Phải xét xử bị cáo N ở khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự với lý do: Số tiền N thu lãi bất chính 149.000.000đ. Không đồng ý nộp số tiền 600.000.000đ với lý do: T đã trả bà N xong, được chứng minh là 15 lần bằng sao kê tài khoản (29/8/2022 đến 16/3/2023) là 504.800.000đ.

Tại phiên tòa, Nguyễn Minh T giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

- Ông T: Tổng số tiền lãi mà N đã nhận của ông là 149.600.000đ; trong các khoản vay có khoản vay đã hoàn trả vốn, có khoản vay chưa hoàn trả vốn. Ngày 02/01/2025 Cơ quan điều tra khởi tố vụ án đối với bị cáo N nên thời hiệu phải tính từ ngày 02/01/2025; do đó, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N. Ông yêu cầu phải xử lý bị cáo N tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự mới đúng quy định củ pháp luật. Việc ông kháng cáo yêu cầu xem xét lại trách nhiệm hình sự của bị cáo N là để công bằng, đúng quy định của pháp luật chứ không có liên quan gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông trong vụ án. Việc xét xử bị cáo N ở khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự không có ảnh hưởng hay thiệt hại gì về quyền lợi của ông; xét xử bị cáo N ở khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự cũng không đem lại lợi ích gì cho ông trong vụ án.

Đối với số tiền 600.000.000đ vay ngày 21/5/2022 thì sau vài ngày kể từ ngày chốt lãi (26/5/2022) ông đã trả 600.000.000đ cho N, giao tiền mặt cho N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị Bé N vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của bị cáo N không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự; việc vắng mặt của bị cáo N không trở ngại cho việc xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Vì vụ lợi, Huỳnh Thị Bé N cho Nguyễn Minh T vay các khoản như sau:

Ngày 21/5/2022, cho T vay 600.000.000đ, lãi suất 0.61%/ngày (tương đương 18,3%/tháng). Ngày 26/5/2022, chốt lãi, T chuyển trả lãi 22.000.000đ; trong đó lãi hợp pháp 1.972.603đ, lãi bất hợp pháp 20.027.397đ; chưa hoàn gốc 600.000.000đ.

Ngày 19/8/2022, cho T vay 400.000.000đ, lãi suất 01%/ngày (tương đương 30%/tháng). Ngày 20/8/2022 chốt lãi, T chuyển trả lãi 8.000.000đ; trong đó lãi hợp pháp 438.356đ, lãi bất hợp pháp 7.561.644đ; T đã hoàn trả 400.000.000đ.

Ngày 20/8/2022, cho T vay 400.000.000đ, lãi suất 01%/ngày (tương đương 30%/tháng). Ngày 23/8/2022 chốt lãi, T chuyển trả lãi 16.000.000đ; trong đó lãi hợp pháp 876.712đ, lãi bất hợp pháp 15.123.288đ; T đã hoàn trả 400.000.000đ.

Tổng số lãi bị cáo Huỳnh Thị Bé N nhận được từ 03 khoản vay trên là 46.000.000đ, trong đó lãi hợp pháp 3.287.671đ, lãi bất hợp pháp 42.712.329đ.

Từ cơ sở trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau xử phạt Huỳnh Thị Bé N 100.000.000đ về Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm, ngày 05/9/2025, Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của Nguyễn Minh T:

Đơn kháng cáo của Nguyễn Minh T trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyễn Minh T kháng cáo với nội dung: Huỳnh Thị Bé N phải bị xét xử theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Án sơ thẩm buộc T nộp lại 600.000.000đ tiền vốn vay vào ngày 21/5/2022 là không đúng vì ông đã hoàn trả cho Huỳnh Thị Bé N xong.

[2.1] Xét kháng cáo của Nguyễn Minh T về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N:

Tại phiên tòa ông T xác định việc Tòa án xét xử bị cáo N ở khoản 1 hay khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự không liên quan gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông trong vụ án; việc ông kháng cáo để Tòa án xét xử cho đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy: Trong vụ án, ông Nguyễn Minh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Mặc khác, việc bị cáo Huỳnh Thị Bé N bị xét xử tại khoản 1 hay khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự cũng không xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Tại điểm g khoản 1 Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền “*Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình*”. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ông Nguyễn Minh T không có quyền kháng cáo về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Huỳnh Thị Bé N nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu này của ông T. Như vậy, trách nhiệm hình sự của Huỳnh Thị Bé N không bị

kháng cáo, không bị kháng nghị; do đó, cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm về trách nhiệm hình sự của bị cáo N.

[2.2] Xét kháng cáo của Nguyễn Minh T về số tiền 600.000.000đ (vốn vay).

Nguyễn Minh T cho rằng, số tiền 600.000.000đ vay vào ngày 21/5/2022 ông đã hoàn trả vốn 600.000.000đ xong, *xét thấy*: Tất cả các Biên bản ghi lời khai thì Nguyễn Minh T đều xác định khoản vay 600.000.000đ vào ngày 21/5/2022 ông chưa hoàn trả vốn cho bị cáo N (BL: 463, 459, 117, 50 - 51); lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo N (BL: 74, 69, 63).

Đối với việc, ông T cho rằng đã trả 15 lần từ ngày 29/8/2022 cho đến ngày 16/3/2023 với số tiền 504.800.000đ, *xét thấy*: Ngoài khoản vay ngày 21/5/2022 số tiền 600.000.000đ thì ông T còn vay của bị cáo N nhiều lần (từ ngày 21/5/2022 đến 26/8/2022) tổng số tiền ông T đã nhận của bị cáo N là 14.610.000.000đ. Song, ông T đã trả vốn cho bị cáo N nhiều lần (từ ngày 25/5/2022 đến ngày 22/6/2023) bằng tổng số tiền 8.517.800.000đ; đồng thời lời khai của ông về các lần trả vốn thì không có trình bày đã trả cho khoản vay ngày 21/5/2022, mà trả cho các khoản vay không xác định được.

Tại phiên toà, ông T lại cho rằng đã trả xong nhưng trả tiền mặt, vài ngày sau khi chốt nợ (sau ngày 26/5/2022). Như vậy, lời trình bày này lại mâu thuẫn với đơn kháng cáo của ông về hình thức thanh toán số tiền 600.000.000đ; đồng thời ông cho rằng đã đưa tiền mặt cho bị cáo N nhưng ông không đưa ra được chứng cứ vật chất để chứng minh việc trả nợ trong khi bị cáo N không thừa nhận. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Minh T về việc đã giao trả lại bị cáo N số tiền 600.000.000đ của khoản vay ngày 21/5/2022 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí: Do kháng cáo của Nguyễn Minh T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau về biện pháp tư pháp của bản án.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Biện pháp tư pháp: Buộc Nguyễn Minh T có nghĩa vụ nộp số tiền 600.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Án phí: Buộc Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- TAND Khu vực 8 - Cà Mau;
- VKS nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Cà Mau;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Miên